



# AGIFISH

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### ANNUAL REPORT

# 2011

## MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tóm lược lịch sử hoạt động

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Tổ chức và nhân sự của Công ty

Thông tin về cổ đông

Các thông tin khác

Báo cáo tài chính và báo cáo của kiểm toán độc lập



Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang

Tên giao dịch: Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company

Tên viết tắt: AGIFISH Co.

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.


Điện thoại: (84.763) 852 939 – 852 368 Fax: (84.763) 852 202

E.mail: [agifish.co@agifish.com.vn](mailto:agifish.co@agifish.com.vn) Website: [www.agifish.com.vn](http://www.agifish.com.vn)

Mã chứng khoán: AGF

Vốn điều lệ: 128.592.880.000 đồng (Một trăm hai mươi tám tỷ năm trăm chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).





## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ***Kính thưa quý vị cổ đông***

Một trong những sự kiện nổi bật của ngành thủy sản năm 2011 là xuất khẩu thủy sản vượt mốc 6 tỷ USD, đạt 6,11 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2010. Đây có thể xem là kỳ tích, là kết quả đáng tự hào của cả ngành thủy sản Việt Nam, của cộng đồng các doanh nghiệp chế biến & xuất khẩu thủy sản, của nông dân, ngư dân và các cơ quan quản lý. Sự đóng góp của Agifish vào thành quả nói trên thật đáng trân trọng khi Agifish được Hiệp hội Vasep tặng danh hiệu "*Top 3 xuất khẩu toàn ngành cá tra năm 2011*"; Bộ trưởng Bộ công thương tặng "*Bằng khen cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác xuất khẩu 2011*"

Năm 2011, Agifish vươn lên vị trí thứ 3 các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra hàng đầu Việt Nam sau Vĩnh Hoàn và Hùng Vương. Sản lượng xuất khẩu đạt 30.653 tấn, kim ngạch 93,6 triệu USD, tổng doanh thu đạt 2.660 tỷ, lợi nhuận trước thuế 85,4 tỷ đồng, thu nhập bình quân của người lao động đạt 3,8 triệu đồng/người/tháng, lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu đạt 5.270 đồng, tăng 161% so với năm 2010. Kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao nhất từ trước đến nay trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu vẫn còn diễn biến khó lường, chi phí vốn, tỷ lệ lạm phát trong nước vẫn ở mức cao. Để đạt được thành quả trên, Agifish đã tổ chức tốt việc cung ứng đầy đủ cá nguyên liệu cho các Xí nghiệp đông lạnh, hợp lý hóa dây chuyền sản xuất để tăng năng suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu và xúc tiến thương mại. Tính năng động, nhạy bén của bộ phận làm công tác thị trường đã mang lại kết quả khả quan trong kinh doanh. Cơ cấu thị trường xuất khẩu (tính theo giá trị) có nhiều thay đổi so với năm trước: *Australia 12,92%, Tây Âu 17,22%, Trung Đông 12,61%, Hoa Kỳ 35,29%. Đông Âu và Nga 3,92%, Châu Á 16,03%, Nam Mỹ 2,01%*. Trong đó Hoa Kỳ và Trung Đông là những thị trường có mức tăng trưởng tốt nhất.

Theo dự báo, năm 2012, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội do nhu cầu thủy sản thế giới tiếp tục tăng mạnh, cùng với sự sụt giảm nguồn cung cấp thủy sản khai thác và và nuôi trồng ở nhiều nước. Thị trường cá tra vẫn có khả năng mở rộng vì giá cả phù hợp với người tiêu dùng. Tuy nhiên, do thị trường Tây Âu gặp khó khăn bởi khủng hoảng nợ công, Việt Nam vẫn trong vòng xoáy của lạm phát và bất ổn vĩ mô; nhiều khó khăn thách thức đối với ngành sản xuất cá tra: thiếu hụt nguồn cung ứng cá nguyên liệu đủ tiêu chuẩn xuất khẩu; thiếu vốn sản xuất tiếp tục là nỗi lo cho các doanh nghiệp chế biến và người nuôi cá trong lúc lãi suất vốn vay vẫn còn ở mức cao, còn nhiều bất cập trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm... Vì vậy, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Agifish, Hội đồng quản trị quyết định chỉ tiêu sản lượng xuất khẩu đạt 28.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu 90 triệu USD. Đây sẽ là mục tiêu đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ quản lý, công nhân lao động Công ty Agifish trong tình hình khó khăn hiện nay.



Sẵn sàng vượt qua mọi thử thách, Agifish đã có bước chuẩn bị trước từ vụ nuôi cá 2011-2012, nguồn cung ứng cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến như tự tổ chức vùng nuôi riêng của Công ty, liên kết với trên 30 hộ nuôi cá qua hình thức nuôi gia công hay đầu tư thức ăn cho cá thu hồi sản phẩm dưới sự giám sát, quản lý chất lượng cá nuôi của Xí nghiệp dịch vụ thủy sản của Công ty. Trong năm vừa qua, Agifish đã đầu tư cải tạo nhà xưởng, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho các phân xưởng chế biến thuộc các Xí nghiệp đông lạnh 7, 8,9 để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Chủ động tìm kiếm, mở thêm thị trường mới, kết nối lại quan hệ kinh doanh với những khách hàng tiềm năng tại các thị trường sẵn có, chăm sóc tốt khách hàng truyền thống, bằng uy tín được thể hiện ở chất lượng sản phẩm và giao hàng đúng hạn ...

Ban lãnh đạo Công ty Agifish xác định nhiệm vụ trọng tâm của năm 2012 là quản lý tốt chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên liệu cho đến sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Xem đây là mục tiêu quyết định có ý nghĩa sống còn trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay. Bên cạnh đó là tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp tài chính nhằm sử dụng hiệu quả đồng vốn, tiết kiệm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu suất làm việc của bộ phận quản lý gián tiếp, năng suất lao động và tay nghề công nhân lao động.

Biết tận dụng những cơ hội có được trong tình hình khó khăn để vươn lên phát triển, chủ động tìm ra những yếu kém của mình khắc phục, phát huy những lợi thế cạnh tranh. Chúng ta bước vào năm 2012 với tinh thần lạc quan tin tưởng rằng: Agifish sẽ hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đề ra.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thành công tốt đẹp, kính chúc toàn thể cổ đông, các nhà đầu tư, cán bộ quản lý, công nhân lao động cùng gia đình nhiều sức khỏe và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào!

CTY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN AN GIANG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGÔ PHƯỚC HẬU



# TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



## TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002.

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, ISO 9001:2008, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005, ISO 14001:2004

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm Basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2003 đến 2011.

Agifish là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thủy sản được tặng danh hiệu “Thương hiệu Việt Nam” (Vietnam Value) 2 lần liên tục.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số: 1600583588 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An giang cấp

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 08 năm 2001

Đăng ký lại lần thứ 1, ngày 27 tháng 05 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 12 tháng 01 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 30 tháng 06 năm 2010

Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số: 4.01.1.001/GP do Bộ Thương Mại cấp ngày 29/05/1995.

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm	(151)
2	Mua vật tư nguyên liệu, hóa chất phục vụ cho sản xuất (không mang tính độc hại)	(516)
3	Mua bán đồ uống các loại	(5125)
4	Sản xuất và mua bán thuốc thú y, thủy sản	(24232-242320)
5	Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	(1533)

6	Lắp đặt hệ thống cơ điện, thông gió, điều hòa cấp nhiệt	(45319-453190)
7	Lắp đặt hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm	(4534-453400)
8	Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí	(4532)
9	Chế tạo thiết bị cho ngành chế biến thực phẩm, thủy sản	(2925)
10	Nuôi thủy sản	(05)
11	Lắp đặt điện trong nhà	(4531)
12	Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước	(45321-453210)
13	San lấp mặt bằng	(4511)
14	Xây dựng công trình dân dụng	(4521)
15	Xây dựng công trình công nghiệp	(45211-452110)
16	Mua bán vật tư thiết bị cấp thoát nước trong nhà	(5143)
17	Mua bán vật tư thiết bị, dụng cụ hệ thống điện	(51431-514310)
18	Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê	(711)
19	Dịch vụ nhà đất	(7121-712100)
20	Sản xuất, chế biến và mua bán dầu Biodiesel từ mỡ cá	/
21	Đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê	/
22	Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hóa thủy sản	(63121-631210)
23	Vận tải hàng hóa đường bộ	(6022)
24	Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ	(7211)
25	Mua bán cá và thủy sản	(51243-512430)

### Định hướng chiến lược và yêu cầu phát triển Công ty trong năm năm tới là:

- Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao tay nghề công nhân,
- Nâng cấp, luân chuyển, sắp xếp lại thiết bị và tổ chức dây chuyền sản xuất một cách tối ưu theo hướng chuyên sâu không mở rộng thêm,
- Qui hoạch, tăng cường vùng nuôi riêng của công ty và gia công hợp tác nuôi trồng.
- Thường xuyên quan tâm, chăm lo người lao động về vật chất, tinh thần bảo đảm đầy đủ các chính sách chế độ BHXH, BHYT, BH tai nạn,...
- Công tác thị trường:
  - Thị trường nội địa: giữ vững thương hiệu mạnh đã đạt được, phát triển sản phẩm mới có chất lượng cao tập trung phân phối vào kênh siêu thị trên toàn quốc.
  - Thị trường nước ngoài: củng cố giữ vững khách hàng truyền thống, tìm kiếm phát triển thị trường mới tiềm năng.



Pangasius  
Steak







## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM: TÓM TẮT SỐ LIỆU TÀI CHÍNH NĂM 2011

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện		So sánh 2010	So sánh kế hoạch
	2011	2010		
Tài sản ngắn hạn	1.199.752.824.358	765.944.077.467	157%	
Tài sản dài hạn	517.183.629.581	588.683.054.297	88 %	
Tổng doanh thu	2.762.446.434.261	1.780.585.590.352	155 %	138 %
Lợi nhuận trước thuế	77.200.515.086	51.424.732.663	150 %	96.5 %
Lợi nhuận sau thuế	61.908.823.588	42.185.032.037	147 %	
Lãi cơ bản/CP	4.844	3.281	148 %	

### NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- Sau Đại hội cổ đông năm 2011, Hội đồng Quản trị có 3 thành viên kiêm nhiệm bao gồm 1 Tổng giám đốc và 2 phó Tổng giám đốc.
- Cải tiến công tác quản lý, quy trình kỹ thuật chế biến giúp cho Công ty tiết kiệm nhiều chi phí chế biến góp phần hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh. Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như sản lượng xuất khẩu, doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận... đều có mức tăng trưởng cao so với năm trước và vượt kế hoạch đã đề ra cho cả năm 2011. Cơ cấu thị trường xuất khẩu có nhiều thay đổi, Hoa kỳ đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Agifish.
- Biến động lao động trong năm rất lớn nên việc triển khai thực hiện kịp thời các chế độ chính sách hỗ trợ như nâng lương, tăng tiền ăn giữa ca cho công nhân giúp ổn định tâm lý của người lao động trong tình hình lạm phát giá cả tăng cao đã góp phần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





## TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

- Dự báo xuất khẩu cá tra năm 2012 tiếp tục tăng trưởng và đạt kim ngạch 2 tỷ USD. Mục tiêu phần đầu này có thành công hay không phụ thuộc nhiều vào việc thực hiện các chính sách của Nhà nước ban hành nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Nếu Chính phủ thành công trong việc kiểm soát lạm phát ở mức 9%, giảm lãi suất ngay từ những tháng đầu năm, tạo điều kiện vay vốn sản xuất, kinh doanh cho người nuôi, các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu, giảm bớt các thủ tục hành chính gây ách tắc hoạt động xuất khẩu. Ngay trong những tháng đầu năm, nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi giảm giá liên tục là điều kiện tốt để giảm giá thành cá nguyên liệu.
- Agifish ở vị trí thứ 3 các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu của Việt Nam, sau Cty Vĩnh Hoàn và Cty Hùng Vương. Trong năm 2012, mục tiêu của Agifish là đầu tư vùng nguyên liệu để ổn định sản xuất, tăng cường quản lý chất lượng và đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại để hoàn thành mục tiêu sản lượng 30.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt mốc 100 triệu USD.

## CÁC KHÓ KHĂN VÀ RỦI RO CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Năm 2012, thiếu vốn cho sản xuất là khó khăn lớn nhất cho hầu hết các doanh nghiệp. Lạm phát tuy có giảm bớt nhưng vẫn còn ở mức cao, chi phí vốn sản xuất không giảm, thậm chí còn có xu hướng tăng trong khi đó điều chỉnh tăng giá xuất khẩu không phải là chuyện dễ dàng, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Yêu cầu ngày càng cao về đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, khả năng truy nguyên nguồn gốc, bảo vệ môi trường và đảm bảo trách nhiệm xã hội, hàng rào thương mại và kỹ thuật ngày càng khắt khe, tranh chấp thương mại gia tăng.
- Ô nhiễm môi trường do tác động của các hoạt động của sản xuất kinh tế, xã hội nói chung vẫn là vấn nạn của của nghề sản xuất cá tra, basa vùng đồng bằng sông Cửu long. Tình hình thực tế hiện nay thiếu vốn sản xuất, thiếu cá giống tốt và sạch bệnh đang là những khó khăn ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56,54	69,88
- Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	43,46	30,12
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	53,96	61,83
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	46,04	38,17
<b>Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,07	0,06
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,85	1,62
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,11	3,61
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,48	2,33
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,76	9,45

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

- Trả cổ tức cho năm 2010 lần 2	12.779.288.000
- Trả cổ tức năm 2011: 20% bằng tiền	25.558.576.000
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	
<b>Cộng</b>	<b>38.337.864.000</b>

#### Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.859.394
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	
- Cổ phiếu phổ thông	12.859.288
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	
- Cổ phiếu phổ thông	80.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.779.288
- Cổ phiếu phổ thông	12.779.288
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: .	10.000 VND

## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2011 Agifish tiếp tục ổn định sản xuất kinh doanh đã vươn lên vị trí thứ 3 trong các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu của Việt Nam. Điểm nổi bật là việc cải tạo, bố trí lại mặt bằng sản xuất cho phù hợp đã được triển khai thực hiện một cách triệt để mà vẫn duy trì sản xuất ổn định. Hợp lý hóa dây chuyền sản xuất nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Chế độ lương, thưởng và các chế độ bảo hiểm thỏa đáng giúp công ty duy trì lực lượng lao động luôn gắn bó. Vấn đề chất lượng sản phẩm luôn được đặt lên hàng đầu thông qua các hệ thống kiểm soát tiêu chuẩn chất lượng trong qui trình chế biến. Công tác thị trường và chăm sóc khách hàng được quan tâm đặc biệt hạn chế tối đa sự khiếu nại của khách hàng. Tuy nhiên, lãi suất huy động vốn vẫn duy trì ở mức cao trong năm đã làm cho lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra.

Với những nỗ lực trên, Agifish vẫn đạt được những kết quả khả quan như sau:

Doanh thu tăng 55% so năm 2010 và vượt 38% so kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế tăng 50% so 2010 và so kế hoạch đạt 96,5%.

Năm 2011, do thị trường chứng khoán chưa hồi phục mà có chiều hướng tiếp tục xấu, Agifish phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn Quỹ Tầm nhìn SSI (SSIVF) thêm 12,04 tỷ đồng nâng tổng số trích lập dự phòng đến 31/12/2011 lên 24,45 tỷ đồng.

Hàng giá trị gia tăng đã đi đúng định hướng phát triển năm 2011 và đã mang lại hiệu quả.



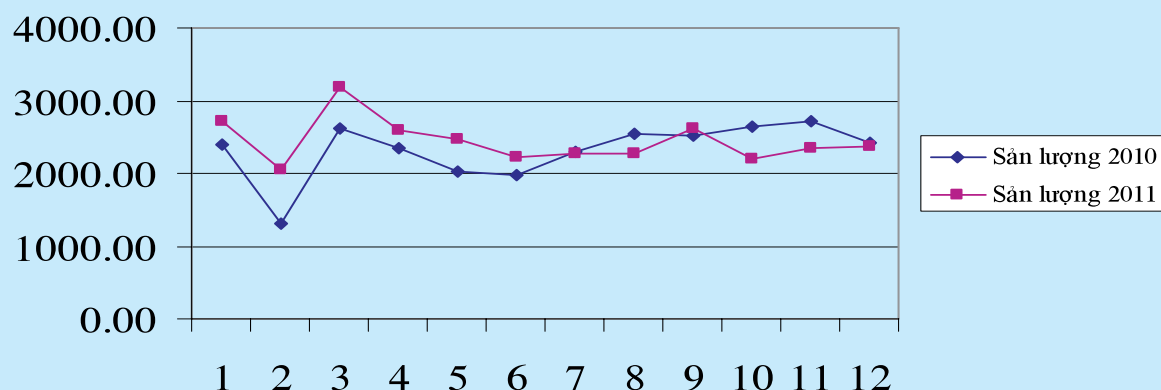
## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### TÓM TẮT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

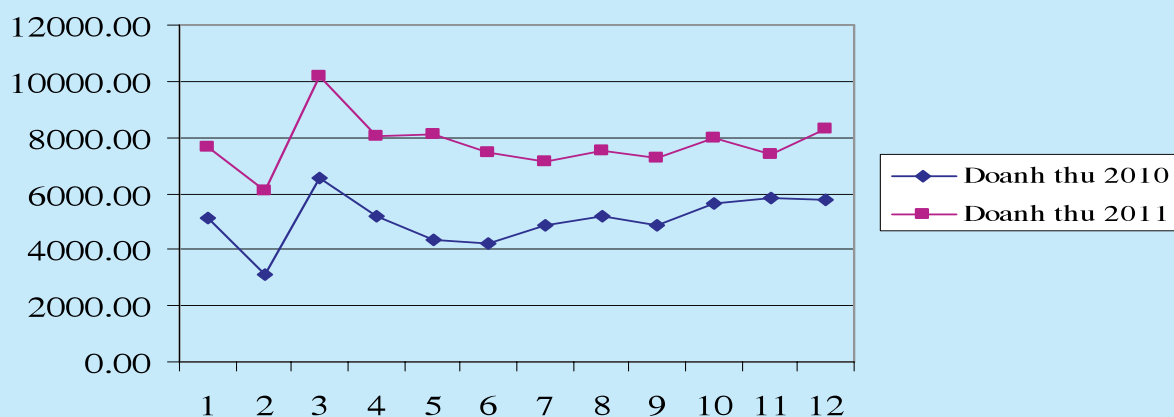
Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	So sánh (%)	
				2011/2010	TH/KH
Tổng doanh thu	1.781 tỷ	2.000 tỷ	2.762 tỷ	155%	138%
LN trước thuế	51,42 tỷ	80 tỷ	77,20 tỷ	150%	97%
Sản lượng XK	27.782 tấn	26.000 tấn	29.333 tấn	106%	113%
KNXK (USD)	61 triệu	70 triệu	93 triệu	152%	133%

### BIỂU ĐỒ SO SÁNH SẢN LƯỢNG VÀ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU

**Biểu đồ so sánh sản lượng xuất khẩu**  
Đvt: Tấn



**Biểu đồ so sánh doanh thu**  
ĐVT: 1.000 USD





## Đánh giá điểm mạnh và yếu của Công ty trong năm 2011

### Điểm mạnh:

- Thường xuyên chăm lo công ăn việc làm và tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, trợ cấp,... giúp đảm bảo quyền lợi chính đáng, từ đó người lao động an tâm công tác, gắn bó lâu dài với công ty.
- Cải thiện tốt hơn về năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.
- Quản lý, kiểm soát tốt dòng tiền; Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hạn chế tối đa nợ xấu.
- Củng cố, phát triển ổn định thị trường xuất khẩu.

### Điểm yếu:

- Chưa có vùng nuôi cá nguyên liệu riêng còn lệ thuộc vào thị trường bên ngoài dẫn đến chưa chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả cạnh tranh.
- Mặt bằng cơ sở chế biến một số nơi chưa được hoàn thiện, thiết bị bố trí chưa phù hợp ảnh hưởng đến giá thành sản xuất.
- Vốn hoạt động hầu như chỉ dựa vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng với lãi suất cao, chi phí đầu vào liên tục tăng từ 15-20% làm giá thành chế biến cao ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

### Biện pháp khắc phục:

- Tiếp tục củng cố lực lượng lao động theo hướng đào tạo tay nghề cao, giảm lao động tay nghề kém. Có chính sách tốt cho người lao động bằng cách nâng lương lao động giỏi tăng mức lương bình quân từ 3,7 triệu đồng lên 4,5 triệu đồng/người/tháng. Tinh gọn hơn nữa đội ngũ quản lý, cân nhắc giảm thêm tối thiểu 20%.
- Tập trung đẩy mạnh vùng nuôi trồng với nhiều hình thức liên kết linh hoạt. Phần đầu trong năm 2012 đạt sản lượng tự nuôi 50.000 tấn. Cụ thể đến 30/3/2012, công ty đã có được 106 ha diện tích mặt nước. Toàn bộ diện tích ao nuôi trồng này do công ty thuê.
- Hợp tác với các công ty thức ăn Việt Thắng và Tây Nam về nguồn thức ăn thủy sản đạt mức 75.000 tấn/năm đủ cung cấp cho các vùng nuôi.
- Nâng cấp nhà xưởng và diện tích ao hồ để đạt các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm và cho các vùng nuôi trồng như BRC, BAP, ASC, Global GAP.
- Kiểm soát, sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn vay ngân hàng, tập trung vốn vào vùng nuôi trồng và chế biến xuất khẩu, không đầu tư dàn trải ra các lĩnh vực khác.
- Thắt chặt chi tiêu, kiểm soát nghiêm ngặt các khoản chi phí. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra định mức sử dụng điện nước, vật tư bao bì,... để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Hạn chế tối đa việc xuất cảnh của các đoàn công tác nước ngoài.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

#### Các chỉ tiêu kế hoạch 2012:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2011	KẾ HOẠCH 2012
I	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG			
1	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	29.333	28.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa	Tấn		
	- Hàng chế biến GTGT			
	Sản lượng	tấn	2.561	2.500
	Doanh thu	tỷ đồng	124	125
II	CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK			
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	93.134.425	90.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	363.280	10.000.000
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.762,45	2.400
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	2.685,25	2.315
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	77,20	85
IV	KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG			
1	Tổng lao động	người	3.308	3.400
2	Thu nhập bình quân người/tháng	đ/n/t	3.700.000	4.500.000

#### Những giải pháp cụ thể:

- Về nguyên liệu: chủ động phát triển vùng nuôi trên cơ sở không đầu tư ao nuôi và hạ tầng cơ sở mà thuê ao để nuôi cá. Ngoài ra sử dụng nhiều hình thức liên kết nuôi với dân một cách linh hoạt để tạo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định với giá thấp.
- Tiếp tục cải tạo, sắp xếp nhà xưởng, thiết bị cho hoàn thiện đúng tiêu chuẩn nhằm đảm bảo tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động đảm bảo có thu nhập ổn định.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm.
- Ổn định thị trường xuất khẩu, giữ vững và phát triển các thị trường và khách hàng đang có, chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng.
- Tiếp thị mạnh mẽ các sản phẩm giá trị gia tăng ra thị trường nước ngoài.

#### 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần phụ lục đính kèm.*

#### 5. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

##### Kiểm toán độc lập:

Tổ chức độc lập chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty là:

##### **CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Cao ốc văn phòng Saigon Riverside, lầu 8, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 083 824 5252 - Fax: 083. 824 5250

(Chi tiết và ý kiến trong phụ lục đính kèm)

Kiểm toán nội bộ: không

##### CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Công ty mẹ: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG**

Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Tỷ lệ nắm giữ CP AGF: 51,08%







## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC:

#### **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang**

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3852 368 – 3852 939 Fax: (84.76) 3852 202

#### **Chi nhánh Công ty tại TP. HCM**

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà RESCO, số 94 - 96 Nguyễn Du, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3825 1100 – (84.8) 3829 9767 Fax: (84.8) 3822 5022

#### **Xí nghiệp Đông lạnh AGF 7**

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3854 241

#### **Xí nghiệp Đông lạnh AGF 8**

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3836 221

Fax: (84.76) 3836 254

#### **Xí nghiệp Đông lạnh AGF 9**

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3958999

Fax: (84.76) 3958888

#### **Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm AGF 360**

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3857 590

#### **Xí nghiệp dịch vụ thủy sản**

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: (84.76) 395408

#### **Xí nghiệp Kho vận Mỹ Thới**

Địa chỉ: số 18, Quốc lộ 91, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3930378

## 2. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN KÝ**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/02/1958

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

CMND: 022868620

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 233/34 Xô viết Nghệ Tĩnh, P15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 0903939763

Trình độ chuyên môn: Đại học nuôi trồng & chế biến thủy sản

Quá trình công tác:

Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre

Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn

Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang

Từ Tháng 1/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp Đông lạnh Việt Phú Tiền Giang

Số CP nắm giữ (tại thời điểm .....): Không

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Họ và tên: **PHAN HỮU TÀI**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14 – 09 – 1966

Nơi sinh: Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang

CMND: 35048093, ngày cấp 18 - 03 – 1999 nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7 I Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang

Số ĐT liên lạc: 0913877445

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản

Quá trình công tác:

Từ 1989 đến 1994: nhân viên Công ty Thủy sản An Giang

Từ 1994 đến 1995: Quản đốc Xí nghiệp đông lạnh AGF 7, Công ty Agifish.

Từ 1995 đến 2000: Phó Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh AGF7, AGF8, Công ty Agifish.

Từ 2000 đến 2007: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh AGF8, Công ty Agifish

Từ 2007 đến 2008: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh AGF 9, Công ty Agifish

Từ 2008 đến 2009: Phó Giám đốc Công ty TNHH Hùng Vương – Sa Đéc

Từ 1/2010 đến 3/2010: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Từ 4/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 67.671 cổ phần, chiếm 0,526 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không





Họ và tên: **PHÙ THANH DANH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10.02.1967

Nơi sinh: An giang

CMND: 024330831, ngày cấp 25.03.2005, nơi cấp: CA TPHCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 21 Hưng Thái, P.Tân Phong, Q7, TPHCM

Số ĐT liên lạc: 4100613 - 0903813888

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy Sản

Quá trình công tác: 1990 đến nay: công tác tại Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):

100.193 cổ phần, chiếm 0,78 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm...% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phần, chiếm...% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Họ và tên: **LÊ VĂN ĐIỆP**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09 – 07 - 1968

Nơi sinh: Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang

CMND: 351742624, ngày cấp 05 - 11 – 2002 nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 250 G Nguyễn Trường Tộ, Phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, An Giang

Số ĐT liên lạc: 0913972391

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản

Quá trình công tác:

Từ 1990 đến 1993: nhân viên thu mua Công ty Agifish

Từ 1993 đến 2000: nhân viên Phòng kế hoạch Công ty Agifish.

Từ 2000 đến 2004: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Agifish.

Từ 2005 đến tháng 3/2008: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh AGF8, Công ty Agifish.

Từ 4/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):

13.472 cổ phần, chiếm 0,0105 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Họ và tên: **VÕ THÀNH THÔNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05-12-1967

Nơi sinh: Tây Ninh

CMND: 351768544, ngày cấp 18/11/2010, nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 1234/60 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức,

Tp. Long Xuyên, An Giang

Số ĐT liên lạc: 0913128909

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học TC-KT Tp.HCM năm 1989

Quá trình công tác: Tháng 02/1990 – 07/1991: làm tại phòng Tài chính huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Từ tháng 08/1991 đến nay: làm việc tại Cty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 18/9/2008): 15.692 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 15.692 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 3. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN: (THỜI ĐIỂM 31/12/2011)

- Tổng số lao động cuối kỳ: 3.308 người (nữ 1730)

- Lao động có trình độ chuyên môn:

* Đại học	167 người
* Cao đẳng	24 người
* Trung cấp	132 người

### 4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước.

### 5. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT:

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 đã bầu Ông Võ Thành Thông – Phó Tổng giám đốc – vào Hội đồng quản trị thay cho Ông Võ Minh Phương xin từ nhiệm. Đại hội cũng đã bầu bổ sung 1 thành viên Ban kiểm soát là cô Triệu Nguyễn Ngọc Minh. Ban kiểm soát bao gồm:

- Ông Lê Nam Hải - kiểm soát trưởng
- Ông Huỳnh Tấn Trương - thành viên
- Cô Triệu Nguyễn Ngọc Minh - thành viên





# THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



## THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

#### a. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Số lượng thành viên: 5 người. Trong đó:

+ Thành viên bên trong : 3 người

+ Thành viên bên ngoài : 2 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	2010 – 2015	Thành viên độc lập
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2010 – 2015	Thành viên độc lập
3. Nguyễn Văn Ký	Thành viên	2010 – 2015	
4. Phù Thanh Danh	Thành viên	2010 – 2015	
5. Võ Thành Thông	Thành viên	2011 – 2016	



Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên:

Họ và tên: **NGÔ PHƯỚC HẬU**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08 – 06 - 1956

Nơi sinh: Châu Phú A, Thị xã Châu Đốc, An Giang

CMND: 350624332 ngày cấp 05 – 03 - 2001, nơi cấp: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 37/28 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, Quận I, TPHCM

Số ĐT liên lạc: 0913834615

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư sinh hoá

Quá trình công tác: 1995 – 2001: Giám đốc Công ty XNK Thủy sản An giang

2001 đến 2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: - Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 150.009 cổ phần, chiếm 1,17 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu: 150.009 cổ phần, chiếm 1,17 % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công ty:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:



## THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Họ và tên: **DƯƠNG NGỌC MINH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22 – 10 - 1956

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

CMND: 021997925, ngày cấp 20 - 10 - 2003 nơi cấp: TPHCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Q6, TPHCM

Số ĐT liên lạc: 0903 311 111

Trình độ chuyên môn: Kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải.

Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty chế biến thủy sản Hùng Vương.

Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): 6.568.466 cổ phần, chiếm 51,08 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 6.568.466 cổ phần, chiếm 51,08 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công ty:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

**Ông Nguyễn Văn Ký** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

**Ông Phù Thanh Danh** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

**Võ Thành Thông** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)





**b. BAN KIỂM SOÁT:**

Họ và tên: **LÊ NAM HẢI**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/07/1971

Nơi sinh: Hải Dương

CMND: 022341792 ngày cấp 20 – 02 - 2008, nơi cấp: TPHCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 43 Nguyễn Đình Chi, Phường 9, Quận 6, Tp HCM

Số ĐT liên lạc: 0902838383

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính, kế toán

Quá trình công tác:

+ Từ 1993 đến 1998:

+ Từ 1998 đến 2010:

Ngân hàng TMCP Quế Đô

Công ty kiểm toán AASC

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hùng Vương

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



## THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Họ và tên: **HUỲNH TẤN TRƯƠNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 1981

Nơi sinh: Trảng Bàng, Tây Ninh

CMND: 290684651 ngày cấp 20 – 12 - 2005, nơi cấp: Tây Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh

Số ĐT liên lạc: 0918007755

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

+ Từ 2005 đến 2007:

+ Từ 2007 đến 2009:

+ Từ 2010 đến nay:

Công ty cổ phần Quốc Tế Interline

Công ty CP nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền tây

Kế toán Công ty cổ phần Châu Âu

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Thành viên Ban kiểm soát Công ty Agifish

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Họ và tên: **TRIỆU NGUYỄN NGỌC MINH**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/08/1985

Nơi sinh: Rạch Giá – Kiên Giang

CMND: 361973782 ngày cấp 05 – 09 - 2000, nơi cấp: Cần Thơ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 144 Khu vực 2, Phường Ba Láng, Q. Cái Răng, Cần Thơ

Số ĐT liên lạc: 01684641900

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế

Quá trình công tác:

+ Từ 01/09/2008 đến nay:

Cty XNK Thủy Sản An Giang

1234 Trần Hưng Đạo Tp.Long Xuyên An Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Nhân viên Xí nghiệp Dịch vụ thủy sản

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



## THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm 2011, chế độ họp định kỳ hàng quý được thực hiện nghiêm chỉnh theo đúng Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã họp 5 lần và ban hành 5 nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nội dung các cuộc họp nhằm bàn bạc, thảo luận và quyết định những vấn đề liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011; kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011; bán bớt tài sản Công ty (tòa nhà 38,40 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh) để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh; đầu tư góp 5% vốn vào Công ty cổ phần bóng đá Hùng Vương - An Giang (HVAGF) với tổng số tiền 212,6 triệu đồng tương ứng 212.600 cổ phần; chấp thuận đơn xin từ nhiệm của Ông Võ Minh Phương và đề cử Ông Võ Thành Thông để Đại hội bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị. Báo cáo quản trị Công ty hàng quý cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định.

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán năm 2011.

Tổng Giám đốc đã hoàn thành chức trách của mình trong năm vừa qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết HĐQT Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban. Sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự của Chi nhánh TP HCM, hợp lý hóa quy trình sản xuất tại các Xí nghiệp đông lạnh, hàng tồn kho được luân chuyển ra – vào hợp lý, thu hồi nhanh công nợ bán hàng, chăm lo đời sống cán bộ, công nhân lao động, quan hệ tốt và đóng góp nhiều cho phúc lợi xã hội tại địa phương. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tăng trưởng rất tốt, là nền tảng cho định hướng phát triển của Công ty trong những năm sắp tới..

Hội đồng quản trị đã giới thiệu cô Triệu Nguyễn Ngọc Minh để Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu bổ sung vào Ban kiểm soát..

Thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2011 như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch HĐQT	-
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	-
3. Nguyễn Văn Ký	Thành viên	-
4. Phù Thanh Danh	Thành viên	-
5. Võ Thành Thông	Thành viên	-
CỘNG		-

### 3. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG :

Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xác định đến ngày 02/03/2012)

#### a. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1. Cổ đông Nhà nước	1.053.133	8,19
2. Cổ đông đặc biệt		
- HĐQT	265.894	2,06
- BGD	197.028	1,53
- BKS	0	
3. Cổ đông CB – CNV Công Ty	667.315	5,19
4. Cổ đông ngoài Công Ty	11.058.840	86
a. Cổ đông trong nước	12.360.861	96,12
- Tổ chức	8.467.920	65,85
- Cá nhân	3.892.941	30,27
b. Cổ đông nước ngoài	498.427	3,87
- Tổ chức	349.339	2,71
- Cá nhân	149.088	1,16

#### b. Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước Người đại diện: Ngô Phước Hậu	Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	1.053.133	8,19 %
2	Công ty CP Hùng Vương Người đại diện: Dương Ngọc Minh	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Việt Nam.	6.568.466	51,08%



## CÁC THÔNG TIN KHÁC



## CÁC THÔNG TIN KHÁC



Trang website [www.agifish.com.vn](http://www.agifish.com.vn) được thiết kế lại để thực hiện tốt công tác IR, tất cả thông tin quan trọng liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đều được công bố kịp thời chính xác.

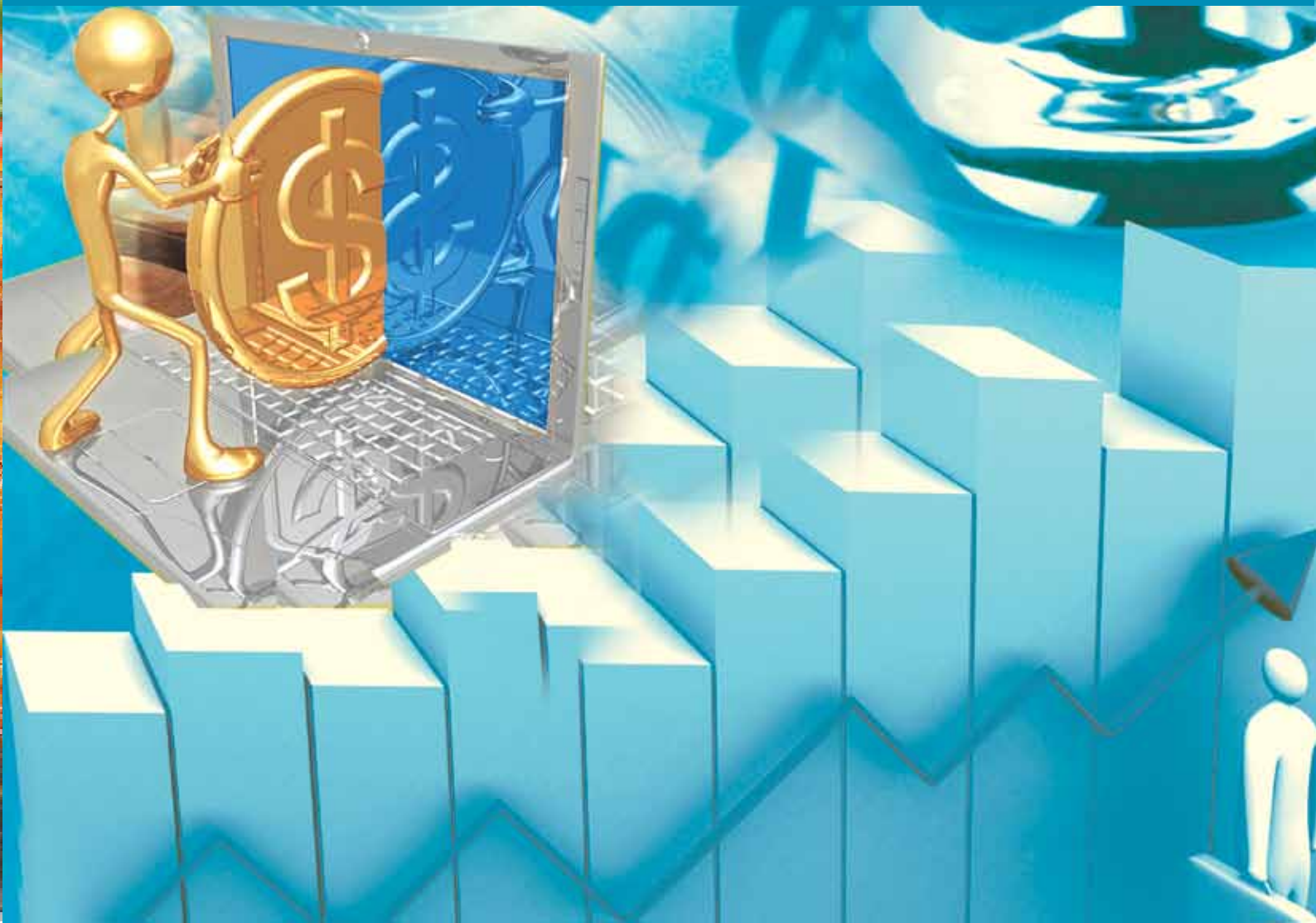








# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 ngày 27 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cấp. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Xuất Nhập Khẩu An Giang, một doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 6 năm 2001 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000009 ngày 10 tháng 8 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 1234 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Phước Hậu	Chủ tịch
Ông Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên
Ông Phù Thanh Danh	Thành viên
Ông Võ Thành Thông	Thành viên

Bổ nhiệm từ ngày 17 tháng 5 năm 2011

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nam Hải	Trưởng Ban
Ông Huỳnh Tấn Trương	Thành viên
Bà Triệu Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Ký	Tổng Giám đốc
Ông Phan Hữu Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phù Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Thông	Phó Tổng Giám đốc

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Ký.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và

Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính kèm theo.

### Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

An Giang, Ngày 7 tháng 3 năm 2012

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KÝ

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



*Mai*

Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2012

*Bui*

Bùi Xuân Vinh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0842/KTV



*Pangasius from* **AGIFISH**

**EAST**

*Meets*

**WEST**

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.199.752.824.358</b>	<b>765.944.077.467</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>66.098.945.564</b>	<b>47.609.256.275</b>
111	1. Tiền		25.270.945.564	10.379.176.275
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.828.000.000	37.230.080.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>609.695.799.620</b>	<b>332.062.964.602</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	530.390.449.116	292.351.362.652
132	2. Trả trước cho người bán	6	80.627.396.045	18.598.542.911
135	3. Các khoản phải thu khác	7	20.253.689.595	21.220.269.098
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.575.735.136)	(107.210.059)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>493.096.844.868</b>	<b>368.791.375.766</b>
141	1. Hàng tồn kho		493.096.844.868	371.793.534.422
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(3.002.158.656)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>30.861.234.306</b>	<b>17.480.480.824</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.727.421.560	1.822.346.363
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.019.116.681	12.715.773.631
154	3. Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		123.166.008	1.266.686.956
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.991.530.057	1.675.673.874
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>517.183.629.581</b>	<b>588.683.054.297</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>433.991.129.644</b>	<b>491.450.470.323</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	359.892.927.902	414.826.537.724
222	Nguyên giá		559.246.253.029	589.039.493.310
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(199.353.325.127)	(174.212.955.586)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	64.132.620.795	73.125.259.271
228	Nguyên giá		64.640.400.824	73.607.400.824
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(507.780.029)	(482.141.553)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.965.580.947	3.498.673.328
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>75.550.000.000</b>	<b>87.590.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		100.000.000.000	100.000.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(24.450.000.000)	(12.410.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.642.499.937</b>	<b>9.642.583.974</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.767.305.978	7.623.559.831
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	3.375.193.959	1.519.024.143
268	3. Tài sản dài hạn khác		500.000.000	500.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.716.936.453.939</b>	<b>1.354.627.131.764</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.061.535.112.524</b>	<b>730.983.534.733</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.041.410.245.599</b>	<b>720.262.248.758</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	823.940.817.569	579.431.160.131
312	2. Phải trả người bán	15	137.082.642.657	89.549.997.087
313	3. Người mua trả tiền trước		2.737.286.856	3.364.694.662
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	30.132.328.562	13.287.297.121
315	5. Phải trả người lao động		22.504.360.926	22.510.672.387
316	6. Chi phí phải trả	17	14.088.005.613	7.935.559.079
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	8.075.515.170	4.291.703.196
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		2.849.288.246	(108.834.905)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>20.124.866.925</b>	<b>10.721.285.975</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	19	-	641.000.000
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		20.124.866.925	10.080.285.975
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>655.401.341.415</b>	<b>623.643.597.031</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>655.401.341.415</b>	<b>623.643.597.031</b>
411	1. Vốn cổ phần		128.592.880.000	128.592.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		385.506.013.400	385.506.013.400
414	3. Cổ phiếu quỹ		(1.990.214.484)	(1.990.214.484)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		80.988.102.710	79.182.945.087
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		11.666.296.650	9.557.045.048
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		49.129.535.588	21.286.200.429
421	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.508.727.551	1.508.727.551
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.716.936.453.939</b>	<b>1.354.627.131.764</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	23.093	3.263
- Euro (EUR)	5.462	11.182

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ THÀNH THÔNG

An Giang, Ngày 7 tháng 3 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KÝ

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>22.1</b>	<b>2.673.686.567.618</b>	<b>1.712.676.918.869</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(13.437.742.122)	(13.265.043.695)
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>22.1</b>	<b>2.660.248.825.496</b>	<b>1.699.411.875.174</b>
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ	25	(2.302.305.209.251)	(1.505.667.822.725)
20	<b>5. Lợi nhuận gộp</b>		<b>357.943.616.245</b>	<b>193.744.052.449</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	53.669.141.239	75.548.369.146
22	7. Chi phí tài chính	23	(106.772.318.804)	(63.073.199.852)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(75.206.671.278)</i>	<i>(48.579.061.952)</i>
24	8. Chi phí bán hàng	25	(182.141.445.754)	(144.493.389.416)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(60.739.006.877)	(13.541.569.426)
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>61.959.986.049</b>	<b>48.184.262.901</b>
31	<b>11. Thu nhập khác</b>	<b>24</b>	<b>48.528.467.526</b>	<b>5.625.346.032</b>
32	<b>12. Chi phí khác</b>	<b>24</b>	<b>(33.287.938.489)</b>	<b>(2.384.876.270)</b>
40	13. Lợi nhuận khác	24	15.240.529.037	3.240.469.762
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		77.200.515.086	51.424.732.663
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(17.147.861.314)	(8.706.496.347)
52	16. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.3	1.856.169.816	(533.204.279)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		61.908.823.588	42.185.032.037
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	4.844	3.281

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ THÀNH THÔNG

An Giang, Ngày 7 tháng 3 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KỶ



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> Lợi nhuận trước thuế		<b>77.200.515.086</b>	<b>51.424.732.663</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9,10	39.312.861.940	39.658.206.921
03	Dự phòng		30.506.366.421	1.581.537.900
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.490.608.584)	(3.390.201.828)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(25.025.559.957)	(13.943.112.174)
06	Chi phí lãi vay	23	75.206.671.278	48.579.061.952
<b>08</b>	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		<b>195.710.246.184</b>	<b>123.910.225.434</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(309.311.202.583)	(52.793.155.865)
10	Tăng hàng tồn kho		(121.303.310.446)	(120.532.744.068)
11	Tăng các khoản phải trả		75.972.513.032	33.603.739.630
12	Giảm chi phí trả trước		3.951.178.656	1.795.862.501
13	Tiền lãi vay đã trả		(74.100.447.224)	(47.175.851.748)
14	Thuế TNDN đã nộp	26.2	(11.142.801.198)	(13.181.592.465)
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.634.380.053)	(11.000.000)
<b>20</b>	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh		<b>(241.858.203.632)</b>	<b>(74.384.516.581)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(11.849.017.972)	(17.625.012.916)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	24	47.064.513.636	742.727.273
25	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	31.303.964.000
26	Tiền lãi nhận được		7.956.543.032	13.311.057.450
<b>30</b>	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		<b>43.172.038.696</b>	<b>27.732.735.807</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Cổ phiếu quỹ		-	(1.990.214.484)
33	Tiền vay nhận được		3.042.549.505.599	2.147.312.922.091
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.799.812.176.361)	(2.044.162.398.412)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	Cổ tức đã trả	20.1	(25.558.576.000)	(25.718.576.000)
<b>40</b>	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>217.178.753.238</b>	<b>75.441.733.195</b>
<b>50</b>	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		<b>18.492.588.302</b>	<b>28.789.952.421</b>
<b>60</b>	Tiền và tương đương tiền đầu năm		<b>47.609.256.275</b>	<b>18.811.729.995</b>
<b>61</b>	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		<b>(2.899.013)</b>	<b>7.573.859</b>
<b>70</b>	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<b>4</b>	<b>66.098.945.564</b>	<b>47.609.256.275</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ THÀNH THÔNG

An Giang, Ngày 7 tháng 3 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KÝ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 ngày 27 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cấp. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Xuất Nhập Khẩu An Giang, một doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 6 năm 2001 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000009 ngày 10 tháng 8 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại Ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 2.088 (31 tháng 12 năm 2010: 1.982).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính như được trình bày trong Thuyết minh số 28 và 29.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa

- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Sản phẩm dở dang và thành phẩm

- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

### Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 năm
Nhà cửa	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 6 năm
Phần mềm kế toán	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 10 năm

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.9 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 3.10 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.11 Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty đã áp dụng CMKTVN số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá và đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

<b>Nghịệp vụ</b>	<b>Theo CMKTVN 10</b>	<b>Theo Thông tư 201</b>
<p>Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.</p> <p>Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.</p>	<p>Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.</p>	<p>Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.</p> <p>Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.</p>

Tuy nhiên, nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 thì ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là không trọng yếu, xét trên khía cạnh tổng thể.

### 3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 3.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.
- Quỹ đầu tư và phát triển
- Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thông thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 3.16 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước



được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

### 3.17 Công cụ tài chính

#### *Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, và các công cụ tài chính không được niêm yết.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

##### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.029.953.621	2.515.272.442
Tiền gửi ngân hàng	23.240.991.943	7.863.903.833
Các khoản tương đương tiền	40.828.000.000	37.230.080.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.098.945.564</b>	<b>47.609.256.275</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc ít hơn 3 tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất tiết kiệm áp dụng.

#### 5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	38.057.903.291
Bên thứ ba	530.390.449.116	254.293.459.361
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>530.390.449.116</b>	<b>292.351.362.652</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(11.375.735.136)	(107.210.059)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>519.014.713.980</b>	<b>292.244.152.593</b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	62.585.004.009	-
Bên thứ ba	18.042.392.036	18.598.542.911
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.627.396.045</b>	<b>18.598.542.911</b>

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cá nhân về phần chuyển nhượng cổ phần	10.200.000.000	10.200.000.000
Chi phí trả hộ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.600.000.000	-
Chi phí trả hộ khác	1.127.600.000	1.998.316.381
Phải thu đền bù Ủy ban nhân dân Thị xã Châu Đốc – Tỉnh An Giang	-	2.076.220.800
Hoàn thuế giá trị gia tăng	-	889.103.091
Lãi đầu tư nuôi trồng thủy sản	-	279.675.857
Phải thu Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh An Giang theo chương trình Hỗ trợ Lãi suất	1.317.913.384	1.317.913.384
Khác	4.008.176.211	4.459.039.585
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.253.689.595</b>	<b>21.220.269.098</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(10.200.000.000)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>10.053.689.595</b>	<b>21.220.269.098</b>

### 8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	433.543.386.898	304.399.914.449
Sản phẩm dở dang	16.600.962.590	44.032.576.354
Nguyên liệu, vật liệu	21.996.032.275	13.632.552.405
Hàng gửi đi bán	12.642.733.023	7.493.101.796
Hàng đang đi đường	4.681.000.000	-
Hàng hóa	2.344.906.913	1.276.212.455
Công cụ, dụng cụ	1.287.823.169	959.176.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>493.096.844.868</b>	<b>371.793.534.422</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.002.158.656)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>493.096.844.868</b>	<b>368.791.375.766</b>

Như được trình bày trong các Thuyết minh số 14 và 19, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	157.490.121.750	407.766.076.039	21.046.893.118	2.663.266.468	73.135.935	589.039.493.310
Tăng trong năm						
Trong đó:						
Mua sắm mới	123.222.284	2.340.732.200	442.590.089	69.600.000	69.918.182	3.046.062.755
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.881.809.417	442.247.272	11.990.909	-	2.336.047.598
Thanh lý	(13.413.345.393)	(13.819.284.532)	(7.653.179.273)	(273.995.981)	(15.545.455)	(35.175.350.634)
Số cuối năm	144.199.998.641	398.169.333.124	14.278.551.206	2.470.861.396	127.508.662	559.246.253.029
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	8.207.313.592	14.451.466.041	1.360.103.964	1.577.751.641	23.590.480	25.620.225.718
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	33.658.791.530	132.604.790.486	5.760.896.419	2.136.785.660	51.691.491	174.212.955.586
Khấu hao trong năm	4.800.277.436	32.955.725.943	1.390.347.579	132.250.903	8.621.603	39.287.223.464
Thanh lý	(1.568.151.785)	(11.651.991.904)	(677.563.449)	(249.146.785)	-	(14.146.853.923)
Số cuối năm	36.890.917.181	153.908.524.525	6.473.680.549	2.019.889.778	60.313.094	199.353.325.127
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	123.831.330.220	275.161.285.553	15.285.996.699	526.480.808	21.444.444	414.826.537.724
Số cuối năm	107.309.081.460	244.260.808.599	7.804.870.657	450.971.618	67.195.568	359.892.927.902

Như được trình bày trong Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc và thiết bị để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	73.349.884.824	88.816.000	168.700.000	73.607.400.824
Thanh lý	(8.967.000.000)	-	-	(8.967.000.000)
Số cuối năm	64.382.884.824	88.816.000	168.700.000	64.640.400.824
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	22.000.000	168.700.000	190.700.000
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>				
Số đầu năm	247.780.491	65.661.062	168.700.000	482.141.553
Khấu trừ trong năm	9.053.064	16.585.412	-	25.638.476
Số cuối năm	256.833.555	82.246.474	168.700.000	507.780.029
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	73.102.104.333	23.154.938	-	73.125.259.271
Số cuối năm	64.126.051.269	6.569.526	-	64.132.620.795

### 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Khoản này thể hiện chi phí mở rộng nhà máy sản xuất và máy móc thiết bị trong quá trình lắp đặt liên quan.

### 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện giá trị thuần khoản đầu tư của Công ty vào Quỹ Tầm nhìn SSL.

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện công cụ và dụng cụ giá trị nhỏ, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trong thời hạn 2 đến 3 năm.



#### 14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	823.300.817.569	576.744.950.313
Nợ dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 19</i> )	640.000.000	2.686.209.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>823.940.817.569</b>	<b>579.431.160.131</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
Vay ngắn hạn VNĐ	261.571.111.169	Tháng 6 năm 2012	16,5%/năm	Nhà xưởng và máy móc ( <i>Thuyết minh số 9</i> )
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam				
Vay ngắn hạn USD	118.303.040.000	Tháng 3 năm 2012	6,5%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh				
Vay ngắn hạn USD	29.679.900.000	Tháng 1 năm 2012	6%/năm	Hàng tồn kho trị giá 74 tỷ VNĐ ( <i>Thuyết minh số 8</i> )
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam				
Vay ngắn hạn VND	57.000.000.000	Tháng 12 năm 2012	16,5%/năm	Khoản phải thu khách hàng ( <i>Thuyết minh số 5</i> )
Vay ngắn hạn USD	27.076.400.000	Tháng 1 năm 2012	4,7%/năm	Khoản phải thu khách hàng ( <i>Thuyết minh số 5</i> )
Vay ngắn hạn HKD	101.211.366.400	Tháng 3 năm 2012	4,7%/năm	Khoản phải thu khách hàng ( <i>Thuyết minh số 5</i> )
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội				
Vay ngắn hạn USD	83.312.000.000	Tháng 6 năm 2012	6,5%/năm	Hàng tồn kho và máy móc thiết bị trị giá 45 tỷ VNĐ ( <i>Thuyết minh số 8 và 9</i> )
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam				
Vay ngắn hạn VND	50.000.000.000	Tháng 12 năm 2011	15,5%/năm	Khoản phải thu khách hàng ( <i>Thuyết minh số 5</i> )
Vay ngắn hạn HKD	43.077.000.000	Tháng 1 năm 2012	4,3%/năm	Khoản phải thu khách hàng ( <i>Thuyết minh số 5</i> )
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam				
Vay ngắn hạn USD	52.070.000.000	Tháng 2 năm 2012	6%/năm	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>823.300.817.569</b>			

Công ty sử dụng các khoản tiền vay này vào việc bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	44.870.340.642	14.468.545.983
Bên thứ ba	92.212.302.015	75.081.451.104
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.082.642.657</b>	<b>89.549.997.087</b>

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	21.694.477.229	12.909.665.747
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 26.2</i> )	4.738.373.160	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.694.938.113	338.731.437
Thuế nhập khẩu và xuất khẩu	-	27.766.397
Khác	4.540.060	11.133.540
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.132.328.562</b>	<b>13.287.297.121</b>

### 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng, thưởng doanh số, hỗ trợ tiếp thị	7.915.993.390	1.706.228.316
Chi phí lãi vay	2.509.434.258	1.403.210.204
Chi phí thuê kho	-	2.197.461.262
Chi phí vận chuyển	1.786.265.788	1.683.348.200
Chi phí điện nước	1.067.094.785	795.311.097
Chi phí phải trả khác	809.217.392	150.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.088.005.613</b>	<b>7.935.559.079</b>

### 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	5.904.529.776	2.177.210.250
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi phí phải trả khác	170.985.394	114.492.946
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.075.515.170</b>	<b>4.291.703.196</b>



## 19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

			VNĐ	
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Vay ngân hàng	640.000.000		3.327.209.818	
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	(640.000.000)		(2.686.209.818)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>		<b>641.000.000</b>	

					VNĐ
Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp	
VNĐ					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang					
Vay dài hạn VNĐ	<u>640.000.000</u>	30 tháng 9 năm 2012	12%/năm	Giá trị hàng tồn kho (Thuyết minh số 8)	

Công ty sử dụng các khoản tiền vay này vào việc bổ sung nhu cầu vốn lưu động.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ  
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1. Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng đầu tư tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>									
Số đầu năm	128.592.880.000	385.506.013.400	-	79.182.945.087	8.849.248.265	11.000.000	6.205.302.364	1.508.727.551	609.856.116.667 (1.990.214.484)
Tăng vốn	-	-	(1.990.214.484)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	42.185.032.037	-	42.185.032.037
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(25.718.576.000)	-	(25.718.576.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(11.000.000)	(588.850.880)	-	(599.850.880)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(88.910.309)	-	(88.910.309)
Trích quỹ	-	-	-	-	707.796.783	-	(707.796.783)	-	-
Số cuối năm	128.592.880.000	385.506.013.400	(1.990.214.484)	79.182.945.087	9.557.045.048	-	21.286.200.429	1.508.727.551	623.643.597.031
<b>Năm sau:</b>									
Số đầu năm	128.592.880.000	385.506.013.400	(1.990.214.484)	79.182.945.087	9.557.045.048	-	21.286.200.429	1.508.727.551	623.643.597.031
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	61.908.823.588	-	61.908.823.588
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(25.558.576.000)	-	(25.558.576.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	1.805.157.623	2.109.251.602	-	(3.914.409.225)	-	-
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	(4.218.503.204)	-	(4.218.503.204)
Khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(374.000.000)	-	(374.000.000)
Khác	-	-	-	-	-	-	49.129.535.588	-	49.129.535.588
Số cuối năm	128.592.880.000	385.506.013.400	(1.990.214.484)	80.988.102.710	11.666.296.650	-	49.129.535.588	1.508.727.551	655.401.341.415

## 20.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Công ty Cổ phần Hùng Vương	6.568.000	51.08%	6.568.000	51.08%
Các cổ đông khác	6.291.288	48.92%	6.291.288	48.92%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.859.288</b>	<b>100%</b>	<b>12.859.288</b>	<b>100%</b>

## 20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	514.098.893.400	514.098.893.400
Số cuối năm	514.098.893.400	514.098.893.400
<b>Chi trả cổ tức</b>	<b>(25.558.576.000)</b>	<b>(12.859.288.000)</b>

Theo các Biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 3 năm 2011 và ngày 22 tháng 8 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định công bố cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị 12.779.288.000 VNĐ tương ứng 10% vốn điều lệ, và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2011 với giá trị 12.779.288.000 VNĐ và chi trả cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tương ứng.

## 21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Dưới đây là trình bày lợi nhuận và dữ liệu sử dụng tính toán lãi trên cổ phiếu:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	61.908.823.588	42.185.032.037
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ)	12.779.288	12.855.596
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.844</b>	<b>3.281</b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành các báo cáo tài chính này.

## 22. DOANH THU

### 22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.673.686.567.618</b>	<b>1.712.676.918.869</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu xuất khẩu cá</i>	<i>2.009.146.316.870</i>	<i>1.228.611.640.107</i>
<i>Doanh thu bán cá nội địa</i>	<i>124.008.655.679</i>	<i>106.467.771.905</i>
<i>Doanh thu hàng hoá khác</i>	<i>273.065.798.167</i>	<i>166.475.603.250</i>
<i>Doanh thu hàng phụ phẩm</i>	<i>257.843.850.739</i>	<i>194.265.124.990</i>
<i>Doanh thu thuốc thú y thuỷ sản</i>	<i>4.251.748.887</i>	<i>6.914.692.092</i>
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	<i>5.370.197.276</i>	<i>9.942.086.525</i>
<b>Trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	3.938.356.846	2.778.431.155
Giảm giá hàng bán	9.499.385.276	10.486.612.540
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>2.660.248.825.496</b>	<b>1.699.411.875.174</b>

### 22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.304.324.412	58.847.109.868
Lãi do thanh toán chậm thu từ khách hàng	7.956.543.032	10.804.257.228
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.490.608.584	3.390.201.828
Lãi tiền gửi	10.917.665.211	364.671.917
Khác	-	2.142.128.305
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.669.141.239</b>	<b>75.548.369.146</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	75.206.671.278	48.579.061.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	19.525.647.526	2.991.545.072
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	12.040.000.000	11.458.058.400
Chi phí khác	-	44.534.428
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.772.318.804</b>	<b>63.073.199.852</b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>48.528.467.526</b>	<b>5.625.346.032</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	47.064.513.636	836.386.363
Bán phế liệu	1.178.319.257	523.095.417
Thu từ đền bù đất	-	2.076.220.800
Hoa hồng thương mại	-	1.104.390.724
Khác	285.634.633	1.085.252.728
<b>Chi phí khác</b>	<b>(33.287.938.489)</b>	<b>(2.384.876.270)</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(29.995.496.711)	(110.672.549)
Chi phí khấu hao của tài sản không sử dụng	(121.279.701)	(1.103.907.733)
Chi phí khác cho người lao động	(2.553.363.660)	-
Khác	(617.798.417)	(1.170.295.988)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>15.240.529.037</b>	<b>3.240.469.762</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng thương mại	265.938.458.040	158.952.849.160
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.936.755.374.133	1.268.579.629.575
Chi phí nhân công	77.034.590.690	61.774.386.143
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định ( <i>Thuyết minh số 9 và 10</i> )	39.312.861.940	39.658.206.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.166.810.245	129.262.429.936
Chi phí khác	2.977.566.834	5.475.279.830
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.545.185.661.882</b>	<b>1.663.702.781.566</b>

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 26.1. Chi phí thuế TNDN

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.147.861.314	8.706.496.347
(Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.856.169.816)	533.204.279
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.291.691.498</b>	<b>9.239.700.626</b>

#### 26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa năm vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận tính thuế TNDN của Công ty và lợi nhuận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>77.200.515.086</b>	<b>51.424.732.663</b>
<b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	10.044.580.950	(180.856.134)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(3.266.638.846)	(1.851.278.698)
Dự phòng phải thu khó đòi vượt khung không được khấu trừ	5.100.000.000	
Tăng dự phòng chi phí phải trả	5.952.867.259	-
Các chi phí không được khấu trừ khác	5.390.191.162	2.274.204.781
Thu nhập chưa chịu thuế	497.789.642	(633.886.561)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước, được tính thuế năm nay	1.851.278.698	5.635.539.542
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>102.770.583.951</b>	<b>56.668.455.593</b>
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành</b>	<b>20.739.650.047</b>	<b>5.937.081.855</b>
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định số 101/2011/NĐ-CP	(3.591.788.733)	-
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành</b>	<b>17.147.861.314</b>	<b>5.937.081.855</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	2.769.414.492
<b>Thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>17.147.861.314</b>	<b>8.706.496.347</b>
Thuế TNDN (nộp thừa) phải trả đầu năm	(1.266.686.956)	3.208.409.162
Thuế TNDN đã trả trong năm	(11.142.801.198)	(13.181.592.465)
<b>Thuế TNDN phải trả (nộp thừa) cuối năm</b>	<b>4.738.373.160</b>	<b>(1.266.686.956)</b>

### 26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận các khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) có các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(601.548.416)	(126.777.312)	(474.771.104)	(370.255.740)
Tăng dự phòng phải thu khó đòi vượt khung	939.160.117	-	939.160.117	-
Doanh thu chưa thực hiện	91.667.487	(370.255.740)	461.923.227	(126.777.312)
Chi phí trích trước	1.096.214.806	-	1.096.214.806	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.849.699.965	2.016.057.195	(166.357.230)	(36.171.227)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>3.375.193.959</b>	<b>1.519.024.143</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>1.856.169.816</b>	<b>(533.204.279)</b>

### 27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng hóa	4.324.772.304
		Phí xử lý	1.196.100.000
		Mua hóa chất	10.226.080.000
		Chi hộ	206.993.600
		Chi hộ tài trợ câu lạc bộ bóng đá	3.600.000.000
		Thuê nhà kho	4.130.299.442
		Mua nguyên vật liệu	7.321.018.749
		Chi phí khác	151.350.000
		Công ty Cổ phần Châu Âu	Đồng sở hữu
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	47.717.796.600
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	233.501.473.342
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	37.575.419.461

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Vào ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu các bên liên quan được thể hiện như sau:

			VNĐ
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	(9.627.422.943)
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(12.730.379.215)
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(22.512.538.484)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>(44.870.340.642)</u></b>
<b>Tạm ứng cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	<u>62.585.004.009</u>
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Hưng Vương	Công ty mẹ	Chi phí trả hộ hoàn lại	<u>3.600.000.000</u>

### 28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị



trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

		VNĐ
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Năm nay</b>		
Đôla Mỹ	+ 100	(2.685.149.901)
Đồng Euro	+ 200	2.983.461
Đôla Hồng Kông	+ 200	(2.885.767.328)
VNĐ	+ 300	(10.355.630.658)
Đôla Mỹ	- 100	2.685.149.901
Đồng Euro	- 200	(2.983.461)
Đôla Hồng Kông	- 200	2.885.767.328
VNĐ	- 300	10.355.630.658

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

<b>Năm trước</b>		
Đôla Mỹ	+ 100	(1.348.404.628)
Đồng Euro	+ 200	(1.127.380.235)
Đôla Hồng Kông	+ 200	-
VNĐ	+ 300	(10.218.372.880)
Đôla Mỹ	- 100	1.348.404.628
Đồng Euro	- 200	1.127.380.235
Đôla Hồng Kông	- 200	-
VNĐ	- 300	10.218.372.880

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

### Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

		VNĐ	
		<i>Thay đổi tỷ giá Đôla Mỹ</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		2%	(1.279.179.683)
		-2%	1.279.179.683
Năm trước		2%	(708.313.341)
		-2%	708.313.341

### **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 75.550.000.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 87.590.000.000 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 5.666.250.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 6.569.250.000 đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 5.666.250.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 6.569.250.000 đồng Việt Nam).

### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

### **Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
			< 6 tháng	6 tháng - 1 năm	> 1 năm
31 tháng 12 năm 2011	609.695.799.620	580.928.875.030	3.585.228.226	24.934.123.924	247.572.440
31 tháng 12 năm 2010	332.062.964.602	72.539.702.338	246.134.089.628	87.448.400	13.301.724.236

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

			VNĐ
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>			
Các khoản vay và nợ	823.940.817.569	-	823.940.817.569
Phải trả người bán	137.082.642.657	-	137.082.642.657
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	22.163.520.783	-	22.163.520.783
	<b>983.186.981.009</b>	<b>-</b>	<b>983.186.981.009</b>
<b>31 tháng 12 năm 2010</b>			
Các khoản vay và nợ	579.431.160.131	641.000.000	580.072.160.131
Phải trả người bán	89.549.997.087	-	89.549.997.087
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	12.227.262.275	-	12.227.262.275
	<b>681.208.419.493</b>	<b>641.000.000</b>	<b>681.849.419.493</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### **Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng khoản phải thu, hàng tồn kho và nhà xưởng, máy móc làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng (*Thuyết minh số 14 và 19*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### 29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Các khoản phải thu						
- Phải thu khách hàng	530.390.449.116	(11.375.735.136)	292.351.362.652	(107.210.059)	519.014.713.980	292.244.152.593
- Phải thu khác	20.253.689.595	(10.200.000.000)	21.220.269.098	-	10.053.689.595	21.220.269.098
- Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	66.098.945.564	-	47.609.256.275	-	66.098.945.564	47.609.256.275
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>616.743.084.275</b>	<b>(21.575.735.136)</b>	<b>361.180.888.025</b>	<b>(107.210.059)</b>	<b>595.167.349.139</b>	<b>361.073.677.966</b>

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.				
- Vay và nợ	823.940.817.569	580.072.160.131	823.940.817.569	580.072.160.131
- Phải trả cho người bán và phải trả khác	145.158.157.827	93.841.700.283	145.158.157.827	93.841.700.283
- Nợ ngắn hạn khác	14.088.005.613	7.935.559.079	14.088.005.613	7.935.559.079
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>983.186.981.009</b>	<b>681.849.419.493</b>	<b>983.186.981.009</b>	<b>681.849.419.493</b>

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

### 30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ THÀNH THÔNG

An Giang, Ngày 7 tháng 3 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KÝ



